

Mẫu số 01-A

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẠN ĐẠT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 273/2025/CBTT

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Vạn Đạt Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP**

- Mã chứng khoán: VDG
- Địa chỉ: B07 Jamona Home Resort, Đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0978303769 Fax:
- Email: kientrucvandat@gmail.com Website: vandatgroup.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/03/2025 tại đường dẫn: <https://vandatgroup.com/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2024

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Trần Văn Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 36



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315858232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 08 năm 2019 và thay đổi lần thứ 07 ngày 28 tháng 12 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 54.999.930.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 54.999.930.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại B07 khu Jamona Home Resort, Đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại sàn UpCOM với mã chứng khoán “VDG”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.



6. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Đại diện Pháp luật

Hội đồng Quản trị

	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Anh	Chủ tịch
Ông Guo GuoZheng	Thành viên
Ông Trần Lâm Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Việt Minh Pháp	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Kế toán trưởng (từ ngày 08/10/2024)
Ông Nguyễn Văn Sáng	Kế toán trưởng (đến ngày 07/10/2024)

Ủy ban kiểm toán

	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Lâm Hoàng	Chủ tịch
Ông Guo GuoZheng	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông Trần Văn Anh

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP

B07 khu Jamona Home Resort, Đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

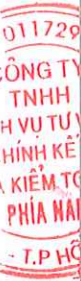
9. Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch HĐQT



Số: 324 /BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025 từ trang 08 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Kiểm toán viên

Lê Văn Thắng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0974-2023-142-1

Trần Nguyễn Hoàng Mai

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1755-2023-142-1



Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.791.015.333	68.387.941.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.305.987.680	22.525.976.166
1. Tiền	111		6.305.987.680	12.525.976.166
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.096.098.537	29.441.304.072
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	68.431.098.541	29.246.304.072
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	5.469.999.996	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	195.000.000	195.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	23.471.023.474	16.089.508.241
1. Hàng tồn kho	141		23.471.023.474	16.089.508.241
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		917.905.642	331.153.026
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09.a	75.324.125	89.694.669
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	18.995.084
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12.b	842.581.517	222.463.273
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.485.189.079	19.529.788.318
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.954.368.082	17.936.114.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.434.368.082	5.416.114.526
- Nguyên giá	222		7.050.355.273	6.538.005.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.615.987.191)	(1.121.890.747)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	12.520.000.000	12.520.000.000
- Nguyên giá	228		12.520.000.000	12.520.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.06	1.530.315.938	1.580.727.384
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.600.000.000	1.600.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(69.684.062)	(19.272.616)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		505.059	12.946.408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09.b	505.059	12.946.408
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		124.276.204.412	87.917.729.823

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.969.048.084	32.010.864.211
I. Nợ ngắn hạn	310		66.969.048.084	32.010.864.211
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	65.023.960.440	30.675.416.407
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	922.783.440	586.847.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.a	789.575.853	748.599.829
4. Phải trả người lao động	314		232.728.351	
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.307.156.328	55.906.865.612
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	57.307.156.328	55.906.865.612
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.999.930.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.999.930.000	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.307.226.328	5.906.865.612
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		906.935.612	3.334.459.361
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.400.290.716	2.572.406.251
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		124.276.204.412	87.917.729.823

Người lập biểu

Nguyễn Văn Sáng

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Trần Văn Anh

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	331.988.449.137	215.138.590.061
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.682.313.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		331.988.449.137	213.456.276.461
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	324.706.719.078	204.155.709.792
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.281.730.059	9.300.566.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	615.008.842	11.171.522
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	828.243.089	673.682.956
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05.a	646.916.000	966.434.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05.b	4.574.378.116	4.240.891.976
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.847.201.696	3.430.728.759
11. Thu nhập khác	31	VI.06	1.062.593	709.661
12. Chi phí khác	32	VI.07	35.630.572	134.670.840
13. Lợi nhuận khác	40		(34.567.979)	(133.961.179)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.812.633.717	3.296.767.580
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	412.343.001	724.361.329
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.400.290.716	2.572.406.251
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	279	514
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	279	514

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Sáng

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiên Đạt

Chủ tịch HĐQT



Trần Văn Anh

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.812.633.717	3.296.767.580
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		494.096.444	453.638.700
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		50.411.446	12.560.861
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		634.365.212	249.116.418
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.033.636)	(11.171.522)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.990.473.183	4.000.912.037
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(45.255.917.625)	2.393.844.955
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(7.381.515.233)	(3.239.732.557)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		34.635.836.989	12.515.759.271
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		26.811.893	(17.780.043)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(724.361.329)	(881.292.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.708.672.122)	14.771.710.690
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(512.350.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.033.636	11.171.522
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(511.316.364)	11.171.522

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.200.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.219.988.486)	14.782.882.212
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.525.976.166	7.743.093.954
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	6.305.987.680	22.525.976.166

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Sáng

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt

Chủ tịch HĐQT



Trần Văn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315858232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 08 năm 2019 và thay đổi lần thứ 07 ngày 28 tháng 12 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 54.999.930.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 54.999.930.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại B07 khu Jamona Home Resort, Đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại sàn UpCOM với mã chứng khoán “VDG”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm tài chính trước so sánh được với số liệu của năm tài chính này.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 20 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 19 nhân viên).

8. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group có 02 (hai) địa điểm kinh doanh. Chi tiết như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group	4/106A Đặng Công Bình, Ấp Nhị Tân 2, Xã Tân Thới Nhì, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group	99/4 Đường Đê Bao, Khu phố Hòa Long, Phường Vĩnh Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

b. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	40
- Phương tiện vận tải	08 - 10

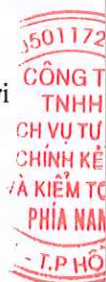
b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.



6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...



14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	282.573.300	173.223.604
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.023.414.380	12.352.752.562
- Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	6.305.987.680	22.525.976.166

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	68.431.098.541	29.246.304.072
- Công ty TNHH Promax Textile (Việt Nam)	-	3.802.312.800
- Công ty TNHH Da Luen (Việt Nam)	-	354.394.480
- Công ty TNHH Thời Trang The Look	-	800.000.072
- Công ty TNHH Polytex Far Eastern (Việt Nam)	22.706.395.016	15.946.977.155
- Công ty TNHH Tân Thuận Việt Nam	15.594.690.574	-
- Các khách hàng khác	30.130.012.951	8.342.619.565

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	5.469.999.996	-
- Ông Trần Văn Anh (*)	5.469.999.996	-

Ghi chú:

(*) Khoản trả trước liên quan đến việc nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2312/HĐCNQSDĐ/VDG-TVA ngày 23/12/2024 với bên liên quan - Ông Trần Văn Anh.

4. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>195.000.000</i>	-	<i>195.000.000</i>	-
- Ký cược, ký quỹ	195.000.000	-	195.000.000	-

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	19.721.782.428	-	16.089.508.241	-
- Hàng hóa gửi bán	3.749.241.046	-	-	-
Cộng	23.471.023.474	-	16.089.508.241	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP

B07 khu Jamona Home Resort, Đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
- Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt (1)	1.600.000.000	(*)	(69.684.062)	1.600.000.000
Cộng	1.600.000.000		(69.684.062)	1.600.000.000
				(19.272.616)

Ghi chú:

(*) Tại ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày thuyết minh do không áp dụng được giá niêm yết trên thị trường chứng khoán và/hoặc các quy định hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý có sử dụng kỹ thuật định giá.

(1) Khoản đầu tư chiếm 16% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702904322 thay đổi lần 03 ngày 22/12/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.



7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	2.880.000.000	3.658.005.273	6.538.005.273
2. Số tăng trong năm	-	512.350.000	512.350.000
- Mua trong năm	-	512.350.000	512.350.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.880.000.000	4.170.355.273	7.050.355.273
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	158.322.581	963.568.166	1.121.890.747
2. Tăng trong năm	72.000.000	422.096.444	494.096.444
- Khấu hao tăng trong năm	72.000.000	422.096.444	494.096.444
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	230.322.581	1.385.664.610	1.615.987.191
III. Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu năm	2.721.677.419	2.694.437.107	5.416.114.526
2. Số dư cuối năm	2.649.677.419	2.784.690.663	5.434.368.082

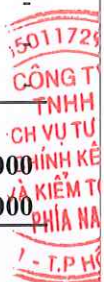


8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất lâu dài (*)	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	12.520.000.000	12.520.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	12.520.000.000	12.520.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-
III. Giá trị còn lại		
1. Số dư đầu năm	12.520.000.000	12.520.000.000
2. Số dư cuối năm	12.520.000.000	12.520.000.000

Ghi chú:

(*) Giá trị Tài sản cố định vô hình - quyền sử dụng đất của Công ty có địa chỉ tại B07 khu Jamona Home Resort, Đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được xác định căn cứ theo giá trị hợp đồng, các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng và Chứng thư thẩm định giá.



9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	75.324.125	89.694.669
- Chi phí thuê nhà xưởng	65.000.000	65.000.000
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	13.028.000
- Chi phí khác	10.324.125	11.666.669
b. Dài hạn	505.059	12.946.408
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	11.177.277
- Chi phí khác	505.059	1.769.131
Cộng	75.829.184	102.641.077

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Ngắn hạn	65.023.960.440	65.023.960.440	30.675.416.407	30.675.416.407
- Litchi International Holdings Limited	64.977.337.940	64.977.337.940	21.071.964.284	21.071.964.284
- Công ty TNHH Sunrise International	-	-	6.000.002.763	6.000.002.763
- Fujian Cyclone Trading Co., Ltd	-	-	3.603.449.360	3.603.449.360
- Các nhà cung cấp khác	46.622.500	46.622.500	-	-
Cộng	65.023.960.440	65.023.960.440	30.675.416.407	30.675.416.407

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngắn hạn</i>	922.783.440	586.847.975
- Công ty TNHH Dệt May Xuất Nhập Khẩu Đại Phát	-	402.000.000
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Phát Triển Tuấn Anh	-	89.003.880
- Công ty TNHH Jiawei	-	68.844.160
- Công ty TNHH Greatex (Việt Nam)	772.783.440	-
- Công ty TNHH XNK Dệt May Đại Phú	150.000.000	-
- Các khách hàng khác	-	26.999.935
Cộng	922.783.440	586.847.975

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã thực nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<i>a. Phải nộp</i>	748.599.829	56.920.745.361	56.879.769.337	789.575.853
Thuế giá trị gia tăng	-	370.539.991	-	370.539.991
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	30.808.500.464	30.808.500.464	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	25.217.389.144	25.217.389.144	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	724.361.329	412.343.001	724.361.329	412.343.001
Thuế thu nhập cá nhân	24.238.500	23.122.761	40.668.400	6.692.861
Thuế khác	-	88.850.000	88.850.000	-
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phát sinh giảm</i>	<i>Phát sinh tăng</i>	<i>Số cuối năm</i>
<i>b. Phải thu</i>	222.463.273	222.463.273	842.581.517	842.581.517
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	110.654.688	110.654.688	483.451.210	483.451.210
Thuế xuất, nhập khẩu	111.808.585	111.808.585	359.130.307	359.130.307

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

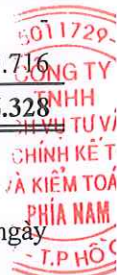
	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	50.000.000.000	3.334.459.361	53.334.459.361
- Lợi nhuận trong năm	-	2.572.406.251	2.572.406.251
Số dư tại ngày 31/12/2023	50.000.000.000	5.906.865.612	55.906.865.612
Số dư tại ngày 01/01/2024	50.000.000.000	5.906.865.612	55.906.865.612
- Tăng vốn trong năm (*)	4.999.930.000	(4.999.930.000)	
- Lợi nhuận trong năm	-	1.400.290.716	1.400.290.716
Số dư tại ngày 31/12/2024	54.999.930.000	2.307.226.328	57.307.156.328

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 99/2024/VDG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/09/2024, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho các Cổ đông với tỷ lệ 10%/vốn chủ sở hữu.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của các cổ đông	54.999.930.000	50.000.000.000
Cộng	54.999.930.000	50.000.000.000



13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	4.999.930.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	54.999.930.000	50.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia (**)</i>	4.999.930.000	-

Ghi chú:

(**) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 99/2024/VDG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/09/2024, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho các Cổ đông với tỷ lệ 10%/vốn chủ sở hữu.

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.499.993	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.499.993	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.499.993	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.499.993	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.499.993	5.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Tổng doanh thu	331.988.449.137	215.138.590.061
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	331.988.449.137	215.138.590.061
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.682.313.600
- Hàng bán bị trả lại	-	1.682.313.600
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>331.988.449.137</u>	<u>213.456.276.461</u>
c. Doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	324.706.719.078	204.155.709.792
Cộng	<u>324.706.719.078</u>	<u>204.155.709.792</u>

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	1.033.636	989.205
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	613.975.206	10.182.317
Cộng	<u>615.008.842</u>	<u>11.171.522</u>

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	143.466.431	412.005.677
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	634.365.212	249.116.418
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính	50.411.446	12.560.861
Cộng	<u>828.243.089</u>	<u>673.682.956</u>

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	646.916.000	966.434.500
- Chi phí nhân viên	646.916.000	890.930.500
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	4.574.378.116	4.240.891.976
- Chi phí nhân viên quản lý	1.972.822.112	1.447.135.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	494.096.444	453.638.700
- Thuế, phí và lệ phí	5.120.000	5.052.983
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.051.329.167	2.176.964.539
- Chi phí bằng tiền khác	51.010.393	158.100.754

6. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản khác	1.062.593	709.661
Cộng	1.062.593	709.661

7. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	30.502.301	130.127.602
- Các khoản khác	5.128.271	4.543.238
Cộng	35.630.572	134.670.840

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân công	2.619.738.112	2.338.065.500
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	494.096.444	453.638.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.051.329.167	2.176.964.539
- Chi phí bằng tiền khác	56.130.393	238.657.737
Cộng	5.221.294.116	5.207.326.476

05011729
 CÔNG TY
 TNHH
 DỊCH VỤ TƯ
 VẤN
 CHÍNH KẾ
 TOÁN
 KIỂM TO
 PHÍA NAM
 TP. HỒ

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.812.633.717	3.296.767.580
- Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	249.081.290	325.039.066
+ Các khoản điều chỉnh tăng	249.081.290	325.039.066
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	2.061.715.007	3.621.806.646
- Tổng thu nhập tính thuế	2.061.715.007	3.621.806.646
+ Thuế suất	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	412.343.001	724.361.329

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.400.290.716	2.572.406.251
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.400.290.716	2.572.406.251
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.020.548	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	279	514

11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.400.290.716	2.572.406.251
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.400.290.716	2.572.406.251
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.020.548	5.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	279	514

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.999.930.000	-

Ghi chú:

(*) Trong năm, Công ty đã tiến hành phát hành thêm 499.993 cổ phiếu để trả cổ tức cho các Cổ đông.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	1.200.000.000
Cộng	-	1.200.000.000

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	1.200.000.000
Cộng	-	1.200.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt	Công ty góp vốn
Ông Trần Văn Anh	Chủ tịch HĐQT
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng và Người công bố thông tin	Ban điều hành

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
b.1. Doanh thu bán hàng hóa		
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt	7.974.899.154	-
b.2. Mua hàng hóa		
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt	3.130.517.740	-
b.3. Các nghiệp vụ khác		
Ông Trần Văn Anh (Vay tiền)	-	1.200.000.000
Ông Trần Văn Anh (Trả tiền vay)	-	1.200.000.000
Ông Trần Văn Anh (Tạm ứng)	-	3.000.000.000
Ông Trần Văn Anh (Thu hồi tạm ứng)	-	5.000.000.000
Ông Trần Văn Anh (Ứng trước tiền mua đất)	5.469.999.996	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trần Văn Anh	Chủ tịch HĐQT	265.000.000	225.000.000
Guo GuoZheng	Thành viên HĐQT	-	240.000.000
Trần Lâm Hoàng	Thành viên HĐQT	27.000.000	108.000.000
Lê Viết Minh Pháp	Giám đốc	124.400.000	120.670.000
Nguyễn Tiến Đạt	Kế toán trưởng (từ ngày 08/10/2024)	30.000.000	-
Nguyễn Văn Sáng	Kế toán trưởng (đến ngày 07/10/2024)	155.736.000	176.040.000
Cộng		602.136.000	869.710.000

c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh V.02)		
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt	5.391.429.910	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.03)		
Ông Trần Văn Anh	5.469.999.996	-



2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động thương mại là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty hoạt động thương mại là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Sáng

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt

Chủ tịch HĐQT



Trần Văn Anh